CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư nước sạch Sông Đà

Ngày 31/03/2025	33,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	12.5%	**7.1%**	**11.3%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	27,200 - 35,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,505
Số lượng CPLH (CP)	75,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,430
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.85
EPS	-1,305
P/E	-25.6

DT thuần
Q1/25
130
tỷ VNĐ
QoQ: ▼34.0| -20.7%
YoY: ▲ 1.00| 0.8%

LN thuần
Q1/25
-23.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.70| 24.6%
YoY: ▼4.40| -22.7%

LN sau thuế
Q1/25
-23.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 15.0| 38.8%
YoY: ▼4.40| -22.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
12.0%
YoY: +/-▲ 11.4%

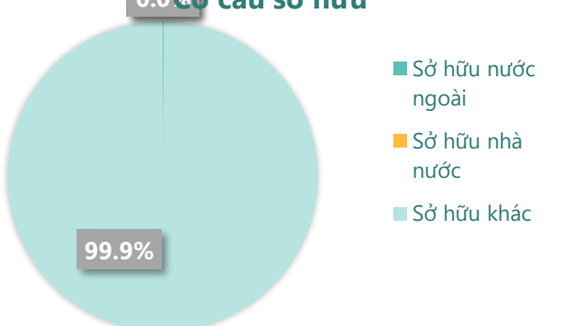
ROE (TTM)
Q1/25
-8.0%
YoY: +/-▼ 0.5%

DT thuần
2024
594
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 20.0| 3.6%

LN thuần
2024
-85.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼124| -318%

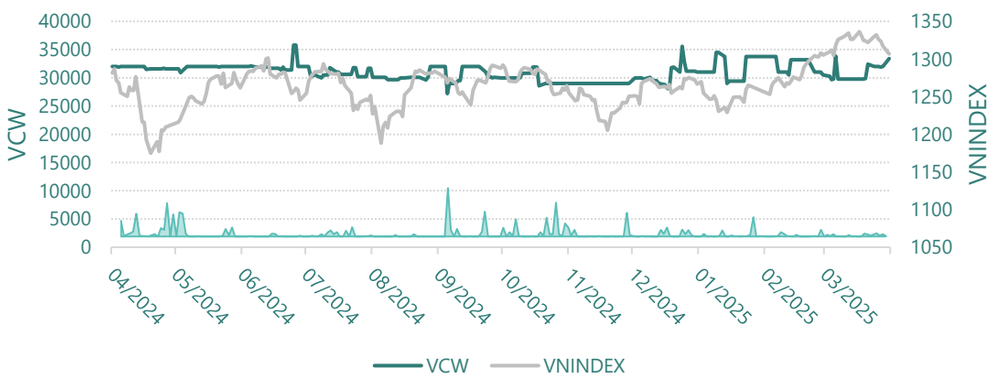
LN sau thuế
2024
-92.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼127| -372%

Cơ cấu sở hữu

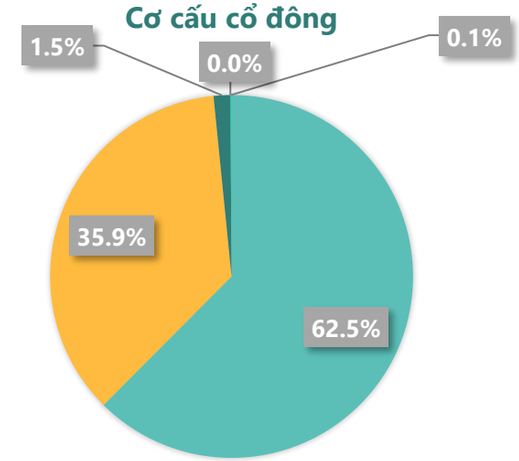


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



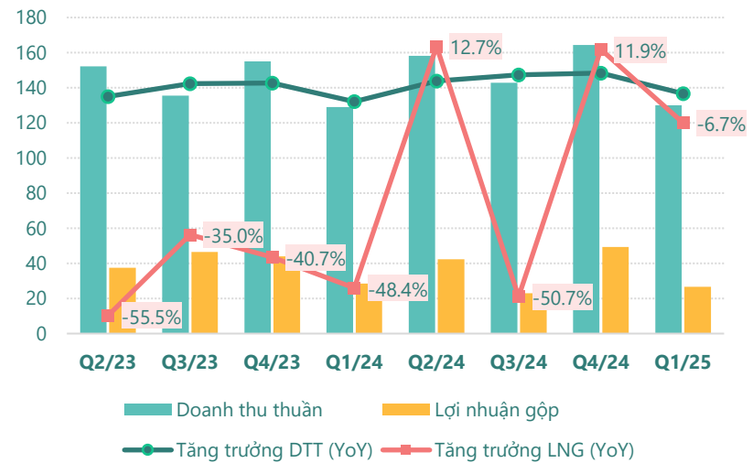
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

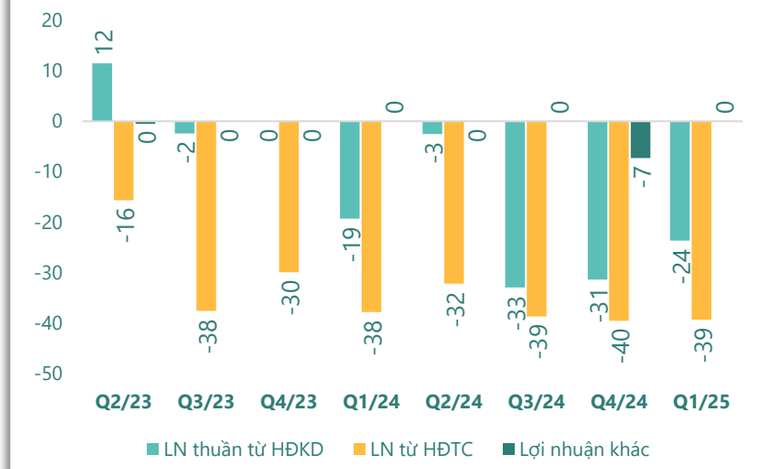
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



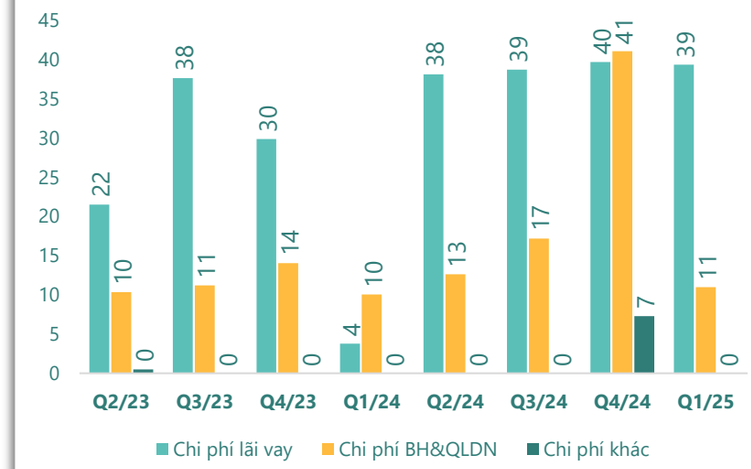
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



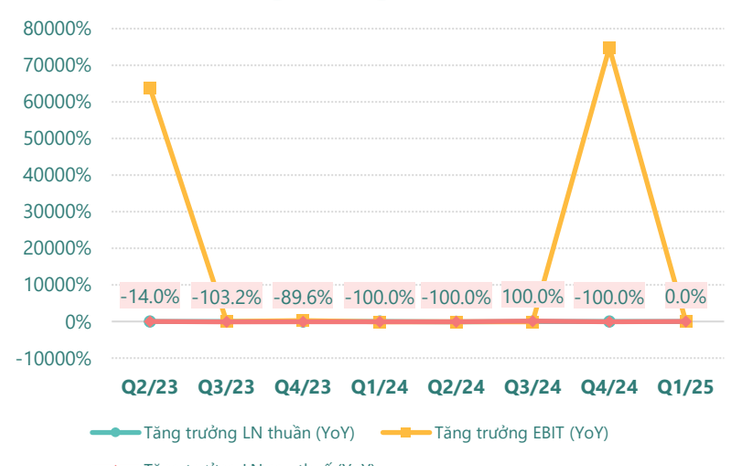
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



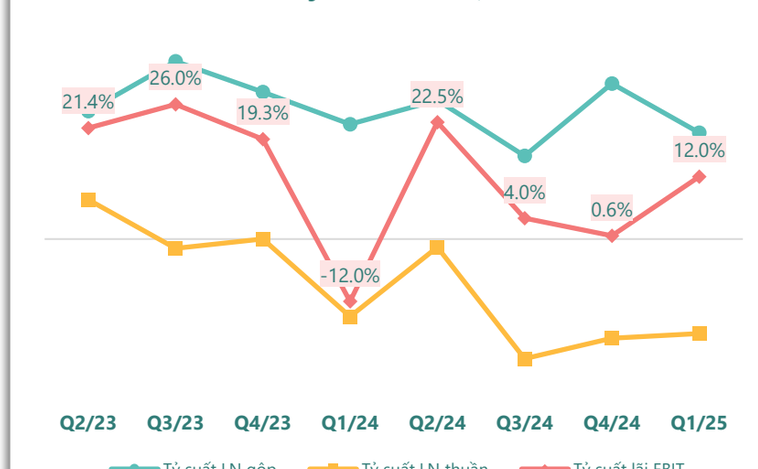
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



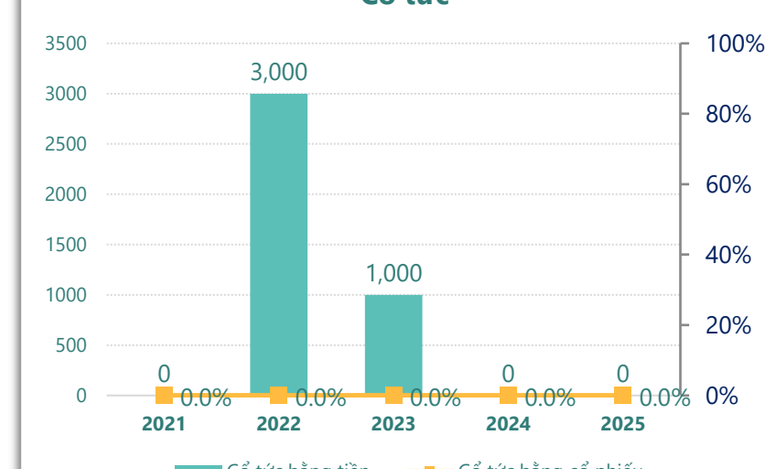
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



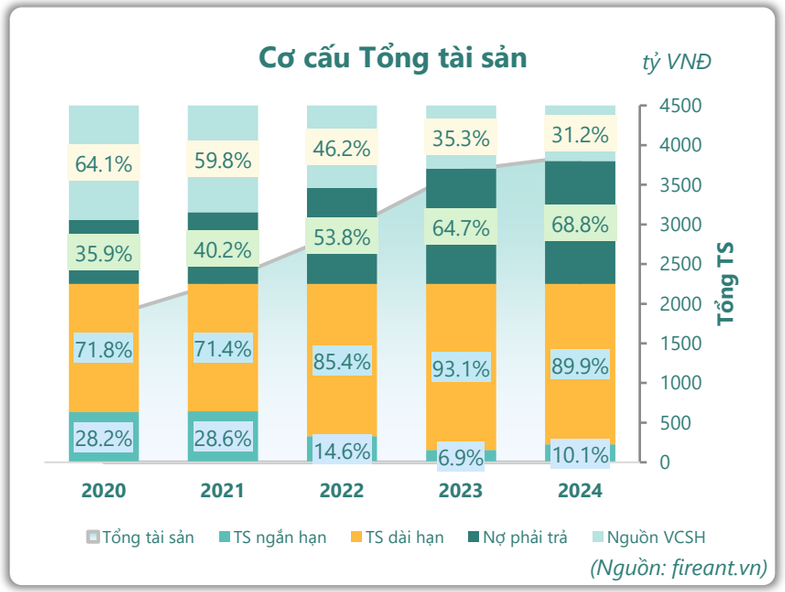
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

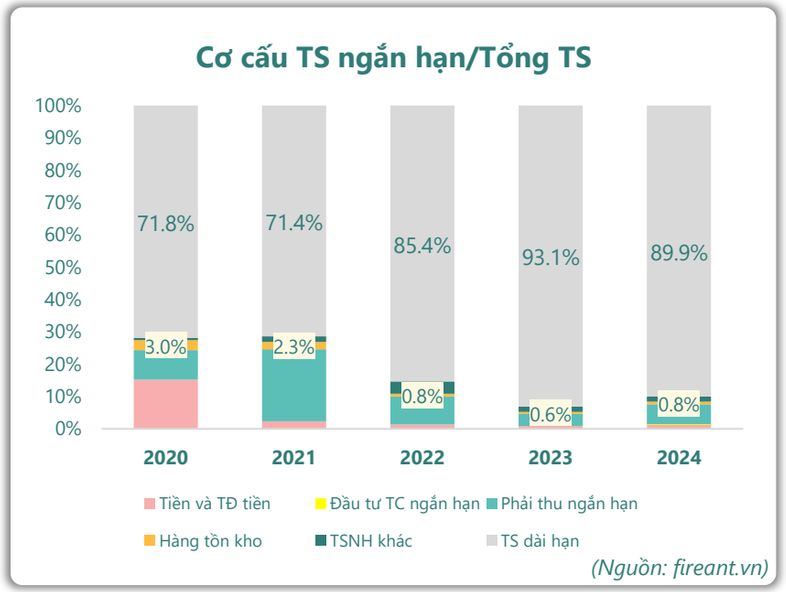


(Nguồn: fireant.vn)

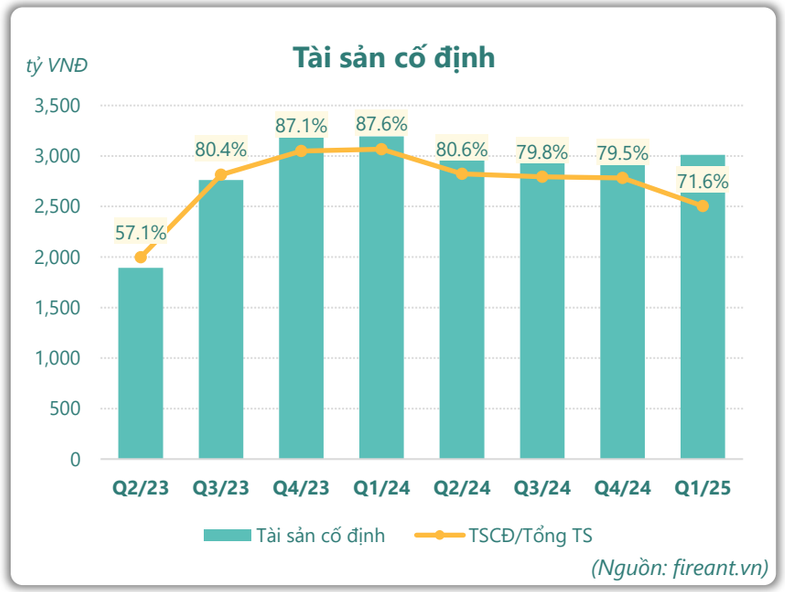
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



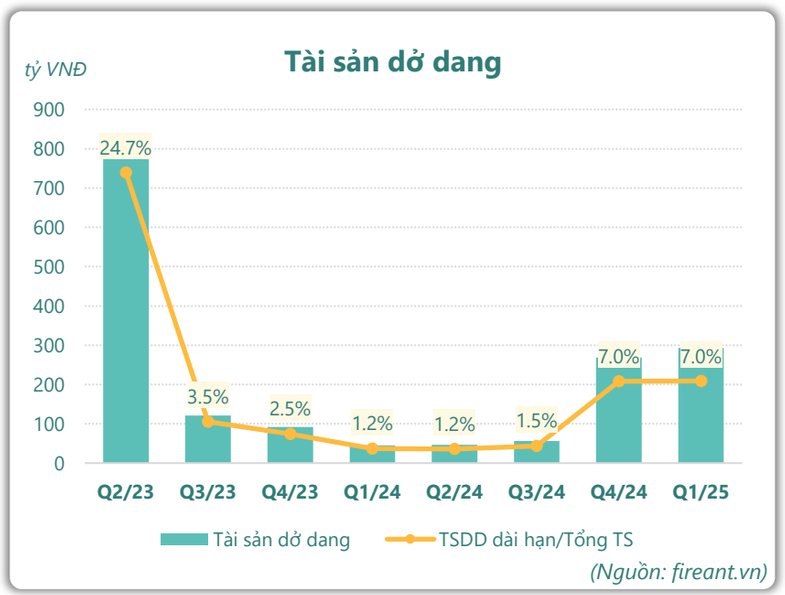
(Nguồn: fireant.vn)



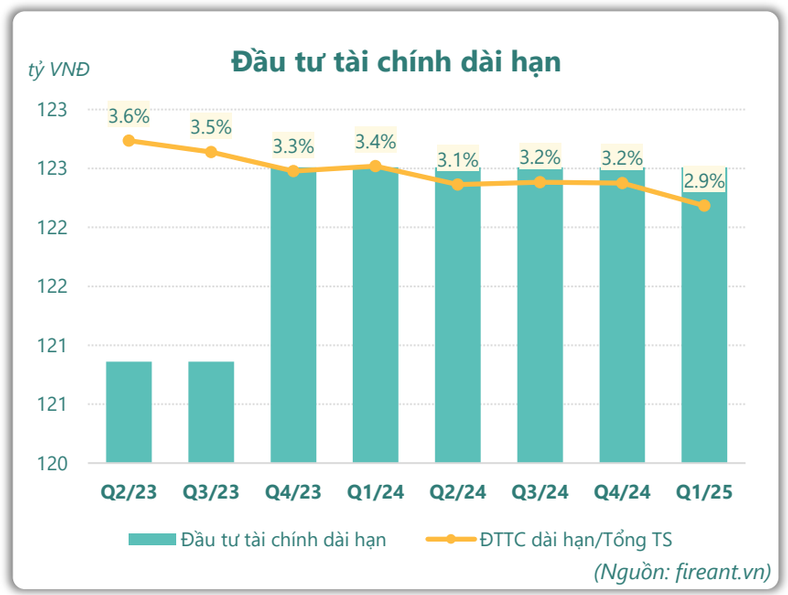
(Nguồn: fireant.vn)



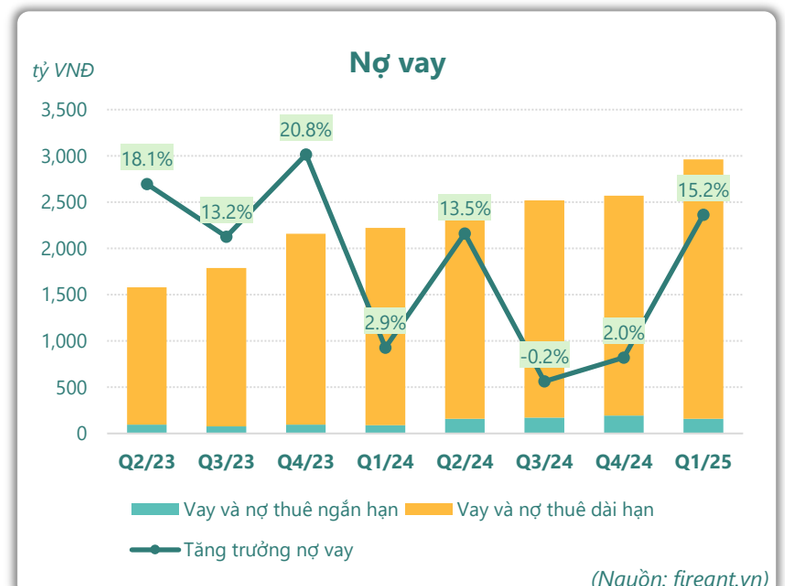
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



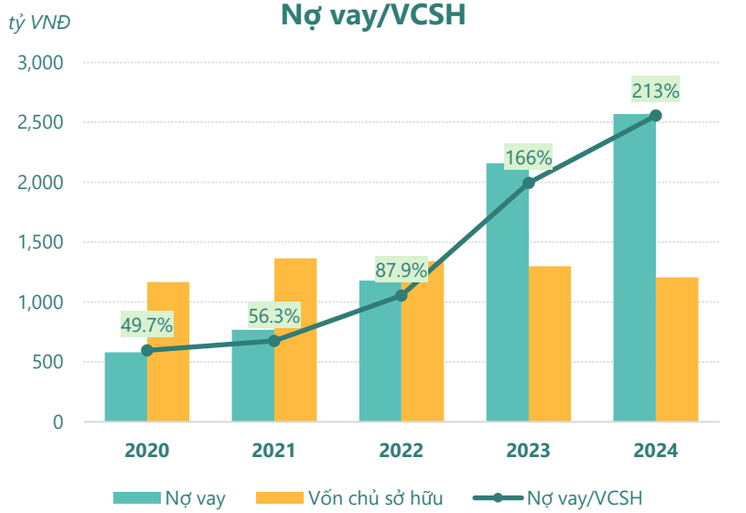
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

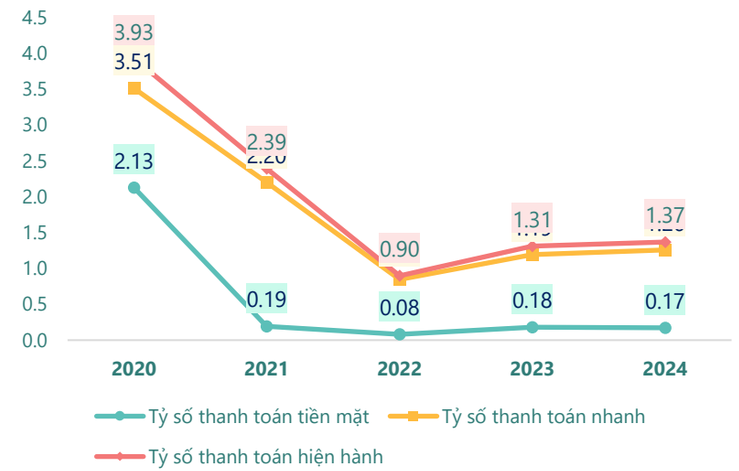
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



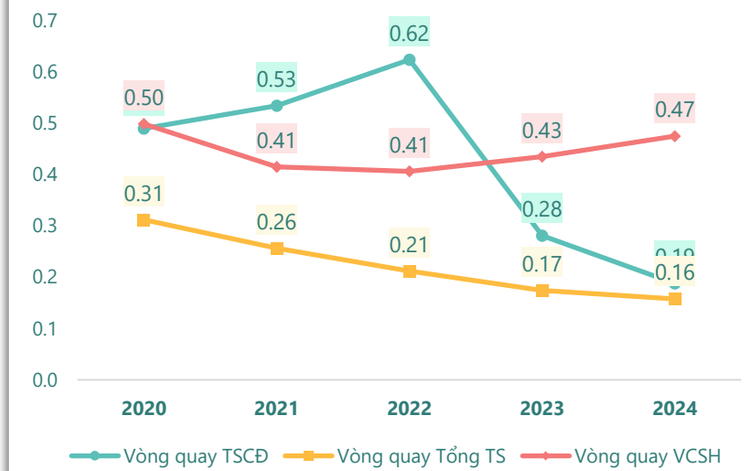
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



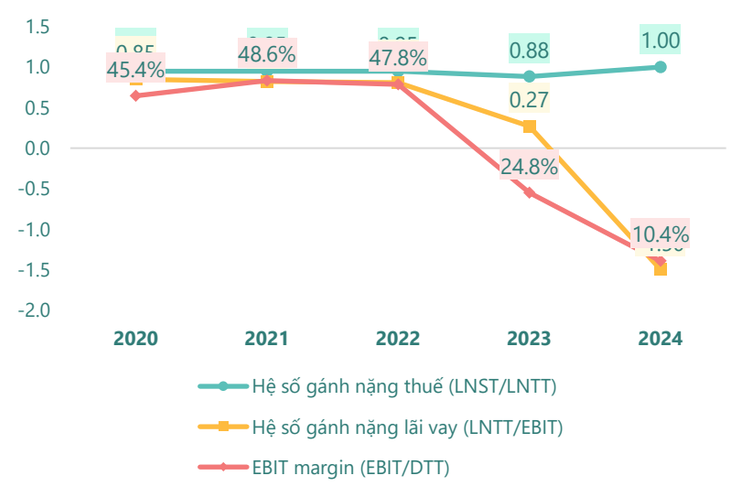
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



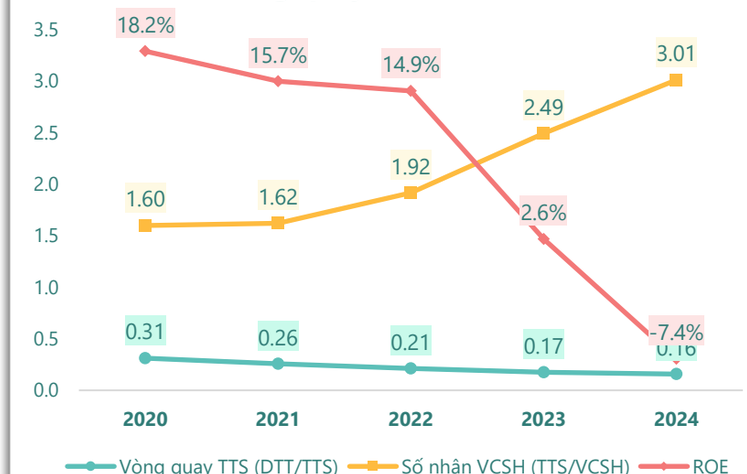
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



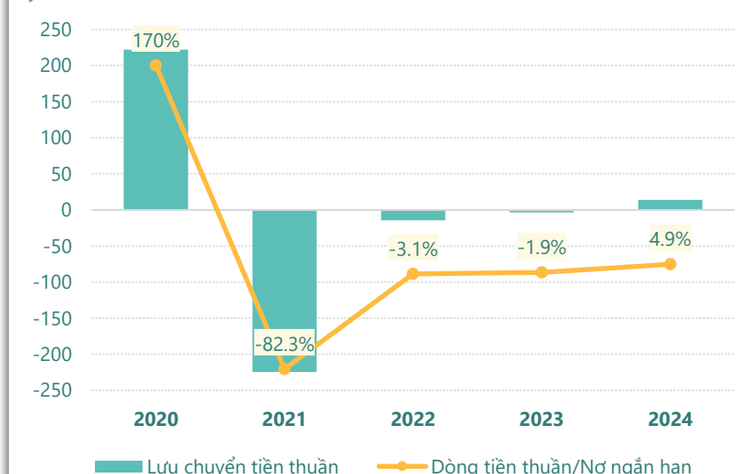
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**130**	**129**	**0.8%**	**594**	**574**	**3.6%**
Giá vốn hàng bán	103	101	2.3%	451	392	15.1%
Lợi nhuận gộp	26.6	28.5	-6.5%	144	182	-20.9%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.01	50.2%	6.23	5.98	4.2%
Chi phí TC	39.4	37.9	3.8%	154	104	48.4%
Chi phí lãi vay	39.4	3.79	938%	154	104	48.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**11.0**	**10.0**	**10.0%**	**81.0**	**44.8**	**80.6%**
LN thuần từ HĐKD	-23.7	-19.3	-22.7%	-85.3	39.1	-318%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**-7.30**	**-0.51**	**-1330%**
LN trước thuế	-23.7	-19.3	-22.7%	-92.6	38.6	-340%
Lợi nhuận sau thuế	**-23.7**	**-19.3**	**-22.7%**	**-92.6**	**34.0**	**-372%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-23.7**	**-19.3**	**-22.7%**	**-92.6**	**34.0**	**-372%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	164	-31.9	106	33.3	-162	29.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-485	-7.97	-367	-27.2	59.3	-428
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	298	63.7	301	-4.53	51.4	392
Tiền đầu kỳ	58.4	34.8	58.6	98.5	100	48.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-23.6**	**23.8**	**39.9**	**1.59**	**-51.3**	**-6.93**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	34.8	58.6	98.5	100	48.8	41.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,208**	**3,868**	**8.8%**
Tài sản ngắn hạn	765	389	96.7%
Tiền và tương đương tiền	41.8	48.8	-14.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.11	6.11	0.0%
Phải thu ngắn hạn	614	238	158%
Hàng tồn kho	31.7	31.5	0.5%
Tài sản ngắn hạn khác	72.0	64.5	11.7%
Tài sản dài hạn	**3,442**	**3,479**	**-1.0%**
Phải thu dài hạn	0.16	0.16	0.0%
Tài sản cố định	3,012	3,073	-2.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	293	26.9	990%
Đầu tư tài chính dài hạn	123	123	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**14.9**	**14.3**	**4.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,025	2,661	13.7%
Nợ ngắn hạn	**221**	**284**	**-22.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	158	193	-18.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	17.5	44.5	-60.8%
Nợ dài hạn	2,804	2,377	18.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,804	2,377	18.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,183**	**1,207**	**-2.0%**
Vốn chủ sở hữu	**1,183**	**1,207**	**-2.0%**
Vốn điều lệ	750	750	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)